TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/DS-ST
Ngày 31 - 3- 2026
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và bà Bùi Thị Kim Thanh

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thúy, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần L2 (từ nay gọi là Ngân hàng L2); địa chỉ: tầng A tòa nhà T, số B đường T, phường H, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc K, Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Tuấn L, Giám đốc Ngân hàng L2 chi nhánh P1; người được uỷ quyền lại: Ông Phạm Tiến L1: Chuyên viên xử lý nợ, Ngân hàng L2 chi nhánh P1; địa chỉ: số B đường N, phường V, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1984 và anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: khu E, xã V, tỉnh Phú Thọ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 11 năm 2025 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ vào hồ sơ vay vốn của vợ chồng chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Mạnh C thì Ngân hàng L2 đã cho anh C, chị Đ vay số tiền: 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng) để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua hàng; theo Hợp đồng tín dụng số HDTD69D2023158 ngày 04/12/2023 và Khế ước nhận nợ số 69D2023158/01 ngày 06/12/2023; thời hạn vay kể từ ngày 07/12/2023 đến hết ngày 06/12/2024; lãi suất trong hạn: 9,6%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, anh C, chị Đ cùng Ngân hàng Lộc P đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HDTC69D202198 ngày 29/9/2021 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 01/PL/HĐTC

ngày 13/4/2022, Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 02/PL/HĐTC ngày 23/12/2022, Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 03/PL/HĐTC ngày 04/12/2023 đều được công chứng tại Văn phòng C1 thế chấp đối với diện tích 127,6m^2 đất tại thửa số 935, tờ bản đồ số 22, khu E, xã V, tỉnh Phú Thọ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY994712, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 24/11/2020 đứng tên Nguyễn Mạnh C.

Quá trình vay vốn, anh C, chị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay của chị Đ và anh C đã chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ gốc quá hạn. Ngân hàng L2 nhiều lần làm việc với khách hàng để yêu cầu tất toán khoản vay. Sau khi Toà án thụ lý vụ án thì ngày 26/11/2025 anh C, chị Đ trả Ngân hàng L2 2.500.000.000 đồng, trong đó, gốc: 2.387.880.000đồng; lãi trong hạn: 112.120.000đồng. Ngân hàng L2 đồng ý giải chấp tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích 127,6m^2, tại thửa số 935, tờ bản đồ số 22, khu E, xã V, tỉnh Phú Thọ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY994712, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 24/11/2020 đứng tên Nguyễn Mạnh C.

Tạm tính đến ngày 31/3/2026, anh C, chị Đ còn nợ Ngân hàng L2 số tiền: 641.348.032đồng (sáu trăm bốn mươi mốt triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn không trăm ba mươi hai đồng).

Nay Ngân hàng L2 yêu cầu Toà án giải quyết nội dung sau:

- Buộc chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Mạnh C phải trả Ngân hàng L2 số tiền tạm tính đến ngày 31/3/2026 là: 641.348.032đồng, trong đó gốc: 0 đồng; lãi trong hạn: 460.516.438 đồng; lãi quá hạn gốc: 147.459.768 đồng; lãi quá hạn của lãi: 33.371.826 đồng cùng lãi phát sinh 10%/năm trên số tiền lãi trong hạn kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi thanh toán xong.

- Ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà anh C, chị Đ không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần nợ theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án thi hành buộc anh C, chị Đ tiếp tục trả nợ cho đến khi tất toán.

- Rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu vợ chồng anh chị Cường Đ1 phải trả số tiền 2.500.000.000 đồng (trong đó nợ gốc 2.387.878.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 112.120.000 đồng) và việc giải quyết xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 935, tờ bản đồ số 22, khu E, xã V, tỉnh Phú Thọ diện tích 127,6m^2 đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đứng tên anh Nguyễn Mạnh C để thu hồi vốn trong trường hợp anh C, chị Đ1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

- Anh C, chị Đ1 phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Mạnh C thống nhất trình bày: Nhất trí với đại diện Ngân hàng về thời gian, số tiền và thủ tục vay. Quá trình vay vốn, ngày 26/11/2025 vợ chồng anh chị và Ngân hàng đã thoả thuận, anh chị trả Ngân hàng tổng số tiền 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng) thì Ngân hàng sẽ xoá toàn bộ khoản nợ nên vợ chồng chị đã trả Ngân hàng đủ số tiền như đã thoả thuận và đã được nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay chị Đ, anh C xác định anh chị không còn nợ Ngân hàng L2 bất cứ khoản tiền nào nữa, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 2.500.000.000 đồng (trong đó, nợ gốc 2.387.878.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 112.120.000 đồng) và việc giải quyết xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 935, tờ bản đồ số 22, khu E, xã V, tỉnh Phú Thọ diện tích 127,6m^2 đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đứng tên anh Nguyễn Mạnh C; Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị Lê Thị Đ, anh Nguyễn Mạnh C trả Ngân hàng L2 số tiền tạm tính đến ngày 31/3/2026 là: 641.348.032đồng, trong đó gốc: 0 đồng; lãi trong hạn: 460.516.438 đồng; lãi quá hạn gốc: 147.459.768 đồng; lãi quá hạn của lãi: 33.371.826 đồng cùng lãi phát sinh 10%/năm trên khoản tiền lãi trong hạn kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi thanh toán xong. Đề nghị giải quyết án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng L2 có đơn khởi kiện đối với chị Lê Thị Đ, anh Nguyễn Mạnh C về tranh chấp hợp đồng tín dụng mục đích để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua hàng. Tuy nhiên cả đại diện Ngân hàng cũng như anh C, chị Đ không giao nộp được giấy phép đăng ký hộ kinh doanh, hợp đồng mua bán hàng hoá của vợ chồng anh C hoặc bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho mục đích vay vốn để kinh doanh do vậy đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng phát sinh trong giao dịch dân sự. Bị đơn chị Lê Thị Đ, anh Nguyễn Mạnh C đều cư trú tại xã V, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85 ngày 27/6/2025 Quốc Hội sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ đã thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng L2 để giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung khởi kiện:

[2.1]. Đại diện của nguyên đơn xác định: Theo hợp đồng tín dụng số HDTD69D2023158 ngày 04/12/2023 và Khế ước nhận nợ số 69D2023158/01 ngày 06/12/2023 cùng các văn bản kèm theo thì tính đến ngày 31/3/2026, chị Đ, anh C còn nợ Ngân hàng L2 số tiền: 641.348.032 đồng, trong đó gốc: 0 đồng; lãi trong hạn: 460.516.438 đồng; lãi quá hạn gốc: 147.459.768 đồng; lãi quá hạn của lãi: 33.371.826 đồng. Ngân hàng yêu cầu chị Đ, anh C trả toàn bộ khoản nợ trên cùng lãi phát sinh 10%/năm trên số tiền lãi trong hạn kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi thanh toán xong.

[2.2]. Bị đơn chị Lê Thị Đ, anh Nguyễn Mạnh C xác định: Trước khi tất toán cho Ngân hàng L2 thì vợ chồng anh chị được lãnh đạo Ngân hàng T, thoả thuận và đưa ra quyết định việc nếu anh chị trả 1 lần với tổng số tiền 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng) thì Ngân hàng sẽ xoá toàn bộ khoản nợ nên ngày 26/11/2025 anh chị đã thanh toán toàn bộ 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng) đến nay anh chị

không còn nợ Ngân hàng L2 bất cứ khoản tiền nào, không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng L2.

[2.3]. Xét Hợp đồng tín dụng số HDTD69D2023158 ngày 04/12/2023 và Khế ước nhận nợ số 69D2023158/01 ngày 06/12/2023 ký kết giữa Ngân hàng L2 với chị Lê Thị Đ, anh Nguyễn Mạnh C là tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội. Nội dung, hình thức hợp đồng phù hợp quy định tại các Điều 117, 118, 119, 463 Bộ luật dân sự; Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng nên các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình như đã thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức. Ngân hàng L2 đã giải ngân đủ số tiền cho vay. Anh C, chị Đ xác định vợ chồng anh chị và Ngân hàng T1 trả 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng) thì Ngân hàng tất toán nên anh chị đã trả đủ số tiền trên nên không còn nợ bất cứ khoản tiền nào nữa và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L2.

Theo thoả thuận tại hợp đồng tín số HDTD69D2023158 ngày 04/12/2023 thì lãi suất trong hạn: 9,6%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả bằng 10%/năm trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ngày 26/11/2025 anh C, chị Đ đã trả 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng). Số tiền anh C, chị Đ còn nợ Ngân hàng L2 tạm tính đến ngày 31/3/2026 là: 641.348.032đồng, trong đó gốc: 0 đồng; lãi trong hạn: 460.516.438 đồng; lãi quá hạn gốc: 147.459.768 đồng; lãi quá hạn của lãi: 33.371.826 đồng. Anh C, chị Đ xác định giữa Ngân hàng L2 với anh chị có thoả thuận anh chị trả số tiền 2.500.000.000đ Ngân hàng sẽ tất toán toàn bộ khoản vay nhưng anh C, chị Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì thể hiện sau khi trả 2.500.000.000đ Ngân hàng sẽ tất toán toàn bộ khoản vay. Mặt khác, phía Ngân hàng L2 đã cung cấp biên bản làm việc ngày 26/11/2025 giữa Ngân hàng và anh C thể hiện nghĩa vụ trả nợ còn lại của vợ chồng anh C là tiếp tục phải thanh toán các khoản nợ còn lại và lãi phát sinh cho đến khi tất toán. Do vậy, yêu cầu của Ngân hàng L2 về việc yêu cầu vợ chồng anh C trả khoản nợ còn lại theo thoả thuận là có căn cứ, ý kiến của anh C, chị Đ về việc Ngân hàng xoá toàn bộ khoản nợ là không có cơ sở. Căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản thế chấp là diện tích 127,6m^2 đất tại thửa số 935, tờ bản đồ số 22, khu E, xã V, tỉnh Phú Thọ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đứng tên Nguyễn Mạnh C để thu hồi vốn trong trường hợp anh C, chị Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không đề nghị Toà án giải quyết về xử lý tài sản thế chấp nêu trên. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về giải quyết xử lý tài sản thế chấp là phù hợp.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Anh C, chị Đ phải chịu án phí có giá ngạch là 29.653.000đ (đã làm tròn) theo quy định của pháp luật.

[5]. Về ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 117, 118, 119, 299, 303, 317, 318, 319, 323, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu vợ chồng anh C, chị Đ phải trả số tiền 2.500.000.000 đồng (trong đó nợ gốc 2.387.878.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 112.120.000 đồng) và việc giải quyết xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 935, tờ bản đồ số 22, khu E, xã V, tỉnh Phú Thọ diện tích 127,6m^2 đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đứng tên anh Nguyễn Mạnh C.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L2 đối với chị Lê Thị Đ, anh Nguyễn Mạnh C.

Buộc chị Lê Thị Đ, anh Nguyễn Mạnh C phải trả Ngân hàng L2 số tiền 641.348.032đồng, trong đó gốc: 0 đồng; lãi trong hạn: 460.516.438 đồng; lãi quá hạn gốc: 147.459.768 đồng; lãi quá hạn của lãi: 33.371.826 đồng, cùng lãi phát sinh 10%/năm trên số tiền lãi trong hạn kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi thanh toán xong.

3. Chị Lê Thị Đ, anh Nguyễn Mạnh C phải nộp 29.653.000đ (hai mươi chín triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng L2 tiền tạm ứng án phí đã nộp 46.800.000đ (Bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005321 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 10 - Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 10 - Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Song Lưu